

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

**Công TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**MỤC LỤC**

**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

8 – 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

10 – 32

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Nông Vương Hùng	Thành viên – bổ nhiệm ngày 20/04/2025
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên độc lập – miễn nhiệm ngày 20/04/2025
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên
Bà Lâm Bội Ngọc	Thành viên độc lập – bổ nhiệm ngày 20/04/2025

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Văn Quý**  
Tổng giám đốc

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2025

Số: 46/2025/SX-RSMHCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị**  
**Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>269.151.926.338</b>	<b>196.268.550.297</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>165.297.228.729</b>	<b>119.917.252.562</b>
1. Tiền	111		9.297.228.729	31.917.252.562
2. Các khoản tương đương tiền	112		156.000.000.000	88.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.752.966.335</b>	<b>61.321.154.069</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	13.809.021.466	17.580.561.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	62.098.230.230	30.787.059.437
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	15.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.373.914.639	1.481.732.884
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.528.200.000)	(3.528.200.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23.580.108.293</b>	<b>14.995.413.592</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	23.580.108.293	14.995.413.592
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>521.622.981</b>	<b>34.730.074</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	34.730.074
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	521.622.981	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.035.757.912</b>	<b>188.254.888.334</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.358.435.204</b>	<b>7.138.991.834</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	7.632.777.946	4.337.959.576
Nguyên giá	222		89.122.671.836	88.258.029.476
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.489.893.890)	(83.920.069.900)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.725.657.258	2.801.032.258
Nguyên giá	228		3.139.364.500	3.139.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(413.707.242)	(338.332.242)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.952.827.891</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	5.952.827.891	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>130.484.669.000</b>	<b>181.115.896.500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	130.484.669.000	181.115.896.500
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>239.825.817</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		239.825.817	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>416.187.684.250</b>	<b>384.523.438.631</b>

(Xem tiếp trang sau)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>192.311.150.114</b>	<b>198.419.191.416</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>192.311.150.114</b>	<b>198.419.191.416</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	14.664.610.569	20.483.486.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	165.282.848.028	130.732.274.292
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.858.675.473	1.417.326.288
4. Phải trả người lao động	314		2.800.000.000	2.990.146.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	1.463.904.441	534.693.767
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		213.229.141	170.912.287
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		30.000.000	37.030.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.15	4.395.410.156	4.395.410.156
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		602.472.306	664.941.702
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>223.876.534.136</b>	<b>186.104.247.215</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16	<b>223.876.534.136</b>	<b>186.104.247.215</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.811.093.513	2.811.093.513
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.012.732.443	30.240.445.522
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68.012.732.443	30.240.445.522
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>416.187.684.250</b>	<b>384.523.438.631</b>

Phê duyệt

Người lập



Lê Văn Quý  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	71.489.951.677	39.197.550.064
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.365.092.036
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.489.951.677	37.832.458.028
4. Giá vốn hàng bán	11	4.19	55.432.152.074	34.044.181.335
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.057.799.603	3.788.276.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	48.851.737.079	20.545.093.560
7. Chi phí tài chính	22	4.21	242.095.499	25.910.118
Trong đó, chi phí lãi vay	23		123.006.164	1.400.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	7.381.574.387	1.829.178.258
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.285.866.796	22.478.281.877
10. Thu nhập khác	31	4.23	6.834.090.487	953.155.963
11. Chi phí khác	32	4.24	480.443.888	812.102.151
12. Lợi nhuận khác	40		6.353.646.599	141.053.812
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.639.513.395	22.619.335.689
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.26	11.467.226.474	313.583.748
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.172.286.921	22.305.751.941

Phê duyệt

Lê Văn Quý  
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63.639.513.395	22.619.335.689
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.25	1.745.489.899	1.656.858.151
Các khoản dự phòng	03		-	(2.646.937.948)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(49.218.740.446)	(20.545.093.560)
Chi phí lãi vay	06	4.21	123.006.164	1.400.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.289.269.012	1.085.562.332
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(33.996.750.315)	(9.846.800.511)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(8.584.694.701)	(2.509.079.819)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		29.897.150.255	(7.710.295.255)
Giảm chi phí trả trước	12		(205.095.743)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(123.006.164)	(1.400.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.409.948.635)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(62.469.396)	(55.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.195.545.687)</b>	<b>(19.037.313.253)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.917.761.160)	(35.925.926)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		367.003.367	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(41.000.000.000)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		90.908.426.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.817.853.647	20.598.518.217
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>103.975.521.854</b>	<b>11.562.592.291</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(37.000.000.000)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.16	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(51.400.000.000)</b>	<b>(14.400.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>45.379.976.167</b>	<b>(21.874.720.962)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		119.917.252.562	74.493.281.520
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>165.297.228.729</b>	<b>52.618.560.558</b>



Phê duyệt

Người lập

Lê Văn Quý  
Tổng Giám đốcNguyễn Thị Thu Hương  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2025

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 25 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với Mã chứng khoán là LHC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 95 (01 tháng 01 năm 2025 là: 52).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thi công xây dựng.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo**

Vào cuối năm 2024, Công ty trúng thầu các dự án mới; đồng thời, các công trình đang thi công dở dang từ các kỳ trước đã bước vào giai đoạn hoàn thiện và bàn giao cho chủ đầu tư. Do vậy, đã góp phần đáng kể dẫn đến doanh thu và giá vốn hợp đồng xây dựng của Công ty kỳ này tăng lần lượt là 82% và 63% so với kỳ trước – Xem thêm Mục 4.18 và 4.19.

Tại ngày 07/03/2025, Công ty đã bán thành công toàn bộ 1.836.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40 (chiếm 51% vốn điều lệ) theo phương thức thỏa thuận. Như vậy, kể từ ngày 07/03/2025, Công ty không còn mối liên hệ đầu tư vốn nào với Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40. Sự kiện trên đã làm cho doanh thu hoạt động tài chính tăng 138% so với kỳ trước và thu nhập khác tăng hơn 6 lần so với kỳ trước – Xem thêm Mục 4.20 và Mục 4.23.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các công ty con như sau:

<b>Tên</b>	<b>Ngành nghề hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Công ty con trực tiếp:</b>					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40.10	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	54,45%	54,45%	54,45%
<b>Công ty con gián tiếp:</b>					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Số 14, Hiệp Thành 1, xã Gia Hiệp, tỉnh Lâm Đồng	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Số 368, ấp Phú Hợp B, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	64,90%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2024.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Tiền mặt	36.587.065	21.672.747
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.260.641.664	31.895.579.815
Các khoản tương đương tiền (*)	156.000.000.000	88.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>165.297.228.729</b>	<b>119.917.252.562</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 2,8% đến 4,3%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	-	802.164.000.000	110.775.469.000	-	367.334.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	-	-	-	34.340.427.500	-	62.424.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40.10	19.709.200.000	-	(*)	36.000.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>130.484.669.000</b>	<b>-</b>	<b>802.164.000.000</b>	<b>181.115.896.500</b>	<b>-</b>	<b>429.758.000.000</b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2025.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40.10 để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

THHN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	2.650.000.000	-
Phải thu từ khách hàng:		
BQL Dự án Nông nghiệp tỉnh Long An	3.727.824.000	3.811.571.000
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	3.528.200.000
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Tây Ninh	2.140.064.000	3.625.549.400
Các khách hàng khác (*)	1.762.933.466	6.615.241.348
<b>Cộng</b>	<b>13.809.021.466</b>	<b>17.580.561.748</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	30.000.000.000	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40 (*)	9.998.553.000	9.998.553.000
Công ty TNHH Trọng Tín (**)	9.812.862.270	17.193.940.780
Các nhà cung cấp khác (***)	12.286.814.960	6.229.522.206
<b>Cộng</b>	<b>62.098.230.230</b>	<b>30.787.059.437</b>

(\*) Là khoản trả trước theo theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 để thực hiện công trình xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét, tỉnh Lâm Đồng. Khoản trả trước này không biến động do vướng mặt bằng chưa thể tiến hành thi công.

(\*\*) Là khoản trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín liên quan đến Dự án xây dựng Hồ chứa nước Đông Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022; Dự án xây dựng Hồ chứa nước Ta Hoét theo Hợp đồng số 03/2022/HĐTP-LHC-TT ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Dự án xây dựng Hồ chứa nước KaZam, Đơn Dương theo Hợp đồng số 01KZ/2023/HĐ-LHC-TT ngày 29 tháng 11 năm 2023.

(\*\*\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	43.315.068	-
Phải thu người lao động	7.373.914.639	-	1.438.417.816	-
<b>Cộng</b>	<b>7.373.914.639</b>	<b>-</b>	<b>1.481.732.884</b>	<b>-</b>

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.528.200.000	-	3.528.200.000	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khoản nợ đã quá hạn từ nhiều năm và khó có khả năng thu hồi.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	-	Trên 3 năm	3.528.200.000	-	Trên 3 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	22.432.789.322	-	13.848.094.621	-
Hàng hóa	1.147.318.971	-	1.147.318.971	-
<b>Cộng</b>	<b>23.580.108.293</b>	<b>-</b>	<b>14.995.413.592</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Hồ chứa nước Đồng Thanh (a)	5.892.428.500	5.801.093.548
Gói 6A Suối Cái, Bình Dương	5.379.491.455	-
Gói Hệ thống cào rác Trạm bơm Tân Phú	3.620.160.000	3.620.160.000
Gói 4 Suối Cái, Bình Dương	2.587.419.420	-
Công trình Đạ Hoai LBM	1.803.452.529	-
Công trình Đại Lào LBM	1.589.511.127	-
Hồ chứa nước Tà Hoét (b)	1.421.318.706	1.421.318.706
Công trình XL4 Rạch Dừa, TP HCM	88.050.000	-
Dự án Hạ tầng Vườn Chanh – Long An	50.957.585	50.957.585
Gói 15 Tây Ninh – Giai đoạn 2	-	2.016.298.630
Hồ chứa nước Ka Zam	-	938.266.152
<b>Cộng</b>	<b>22.432.789.322</b>	<b>13.848.094.621</b>

(a) Hồ chứa nước Đồng Thanh: Đang tạm dừng thi công do vấn đề địa chất khu vực phức tạp, vượt quá khả năng xử lý của cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh và hiện đang nằm trong diện thanh tra theo kế hoạch 1505/KH-TTCT ngày 22 tháng 07 năm 2025. Đến nay, dự án chưa được thi công trở lại vì đang chờ kết luận của Thanh tra Chính phủ.

(b) Hồ chứa nước Tà Hoét: Tạm dừng do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc, thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá:</b>				
Tại ngày 01/01/2025	76.542.729.748	11.633.299.728	82.000.000	88.258.029.476
Mua trong kỳ	2.225.629.630	2.454.349.094	284.954.545	4.964.933.269
Thanh lý, nhượng bán	(520.290.909)	(3.580.000.000)	-	(4.100.290.909)
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>78.248.068.469</b>	<b>10.507.648.822</b>	<b>366.954.545</b>	<b>89.122.671.836</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Tại ngày 01/01/2025	74.091.435.655	9.746.634.245	82.000.000	83.920.069.900
Khấu hao trong kỳ	1.314.693.356	343.341.816	12.079.727	1.670.114.899
Thanh lý, nhượng bán	(520.290.909)	(3.580.000.000)	-	(4.100.290.909)
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>74.885.838.102</b>	<b>6.509.976.061</b>	<b>94.079.727</b>	<b>81.489.893.890</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Tại ngày 01/01/2025	2.451.294.093	1.886.665.483	-	4.337.959.576
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>3.362.230.367</b>	<b>3.997.672.761</b>	<b>272.874.818</b>	<b>7.632.777.946</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 70.169.034.394 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	3.015.000.000	124.364.500	3.139.364.500
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>3.015.000.000</b>	<b>124.364.500</b>	<b>3.139.364.500</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	213.967.742	124.364.500	338.332.242
Khấu hao trong năm	75.375.000	-	75.375.000
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>289.342.742</b>	<b>124.364.500</b>	<b>413.707.242</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	2.801.032.258	-	2.801.032.258
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>2.725.657.258</b>	<b>-</b>	<b>2.725.657.258</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.364.500 VND.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là khoản chi phí đầu tư về số hóa doanh nghiệp tại ngày 30/06/2025.

**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	2.952.898.500	2.952.898.500	1.302.535.622	1.302.535.622
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Xây dựng VINCI VINA	3.691.196.666	3.691.196.666	7.950.072.806	7.950.072.806
Công ty CP Cơ điện Bắc Âu	3.080.141.000	3.080.141.000	3.080.141.000	3.080.141.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	4.940.374.403	4.940.374.403	8.150.737.371	8.150.737.371
<b>Cộng</b>	<b>14.664.610.569</b>	<b>14.664.610.569</b>	<b>20.483.486.799</b>	<b>20.483.486.799</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (*)	75.200.000.000	75.200.000.000
BDL DA Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương (**)	48.121.061.092	16.356.600.000
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà (***)	21.600.000.000	21.600.000.000
BQL DA ĐT&XD Hạ Tầng Đô Thị TP Hồ Chí Minh (****)	18.551.955.000	-
Các khách hàng khác	1.809.831.936	17.575.674.292
<b>Cộng</b>	<b>165.282.848.028</b>	<b>130.732.274.292</b>

(\*) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng liên quan đến Công trình Ta Hoét, Định An theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐT XDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021. Công trình này hiện chưa thể khởi công do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền.

(\*\*) Người mua trả tiền trước là BDL DA Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương liên quan đến Công trình nạo vét và gia cố tuyến Suối Cái từ cầu Thợ Út đến sông Đồng Nai theo Hợp đồng số 41/HĐ-XD ngày 21 tháng 12 năm 2024 và Hợp đồng số 42/HĐ-XD ngày 21 tháng 12 năm 2024.

(\*\*\*) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình Công Cộng Huyện Lâm Hà liên quan đến Công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022. Công trình này đang tạm ngừng do vấn đề địa chất khu vực vượt tầm xử lý của cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh.

(\*\*\*\*) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Hạ Tầng Đô Thị TP. Hồ Chí Minh liên quan đến nâng cấp Công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn huyện Củ Chi từ Tỉnh Lộ 8 đến rạch Tra (Bắc Rạch Tra) theo Hợp đồng số 02/HĐ-BHTĐT ngày 28 tháng 03 năm 2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	521.622.981	-	7.019.630.197	6.497.051.655	-	955.561
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.041.811.760	10.409.948.635	11.467.226.474	-	984.533.921
Thuế thu nhập cá nhân	-	816.863.713	750.547.143	1.135.574.050	-	431.836.806
Các khoản phí, lệ phí	-	-	91.896.963	91.896.963	-	-
<b>Cộng</b>	<b>521.622.981</b>	<b>2.858.675.473</b>	<b>18.272.022.938</b>	<b>19.191.749.142</b>	<b>-</b>	<b>1.417.326.288</b>

**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trích trước giá vốn Công trình HCN Kazam, Lâm Đồng	1.333.000.000	-
Trích trước giá vốn Công trình Gói 15 Giai đoạn 2, Tây Ninh	130.904.441	-
Trích trước giá vốn Công trình Vườn Chanh, Long An	-	534.693.767
<b>Cộng</b>	<b>1.463.904.441</b>	<b>534.693.767</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự phòng bảo hành Công trình Vườn chanh, Long An	1.295.211.108	1.295.211.108
Dự phòng bảo hành Công trình Hồ chứa nước Đông Thanh, Lâm Hà	1.177.694.796	1.177.694.796
Dự phòng bảo hành các công trình khác	1.922.504.252	1.922.504.252
<b>Cộng</b>	<b>4.395.410.156</b>	<b>4.395.410.156</b>

Dự phòng bảo hành công trình được trích theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công nhưng không quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	144.000.000.000	9.052.708.180	2.030.553.178	15.480.540.335	170.563.801.693
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	22.305.751.941	22.305.751.941
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023 theo Thông báo tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền ngày 17/04/2024 của HĐQT	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ24-LHC ngày 20/04/2024	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ24-LHC ngày 20/04/2024	-	-	780.540.335	(780.540.335)	-
Tại ngày 30/06/2024	144.000.000.000	9.052.708.180	2.811.093.513	22.305.751.941	178.169.553.634
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	29.534.693.581	29.534.693.581
Chia cổ tức từ lợi nhuận bằng tiền đợt 1 năm 2024 theo Thông báo số 20/2024 ngày 12/08/2024 của HĐQT	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	144.000.000.000	9.052.708.180	2.811.093.513	30.240.445.522	186.104.247.215
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	52.172.286.921	52.172.286.921
Chia cổ tức từ lợi nhuận bằng tiền đợt 2 năm 2024 theo Thông báo số 28/2025 ngày 18/02/2025 của HĐQT	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	144.000.000.000	9.052.708.180	2.811.093.513	68.012.732.443	223.876.534.136

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vốn góp của các cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

**4.16.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.4. Cổ tức đã trả**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2025 Nguyên tệ VND	Tại ngày 01/01/2025 Nguyên tệ VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng CTCC huyện ĐạTẻh	- 2.033.760.000	- 2.033.760.000
Ban QLDA Hồ Tuyền Lâm	- 89.104.790	- 89.104.790
Công ty CP 508	- 57.338.000	- 57.338.000
<b>Cộng</b>	<b>- 2.180.202.790</b>	<b>- 2.180.202.790</b>

**4.18. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	71.489.951.677	39.197.550.064
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	-	8.458.461.177

Nguyên nhân doanh thu kỳ này tăng so với kỳ trước được thuyết minh tại Mục 1.5.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.19. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	55.432.152.074	34.044.181.335
Giá vốn hợp đồng xây dựng kỳ này tăng so với kỳ trước do doanh thu kỳ này tăng như được thuyết minh tại Mục 1.5.		

**4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	6.490.086.000	19.470.258.000
Lãi cho vay bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	845.558.905	331.582.192
Lãi bán các khoản đầu tư	40.077.198.500	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.438.893.674	743.253.368
<b>Cộng</b>	<b>48.851.737.079</b>	<b>20.545.093.560</b>

Nguyên nhân doanh thu hoạt động tài chính kỳ này tăng so với kỳ trước được thuyết minh tại Mục 1.5.

**4.21. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	123.006.164	1.400.000
Chi phí tài chính khác	119.089.335	24.510.118
<b>Cộng</b>	<b>242.095.499</b>	<b>25.910.118</b>

**4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.067.667.617	2.324.352.281
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.430.102	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	430.796.543	432.383.484
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.646.937.948)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.429.838	552.078.112
Chi phí bằng tiền khác	1.466.250.287	1.164.302.329
<b>Cộng</b>	<b>7.381.574.387</b>	<b>1.829.178.258</b>

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này tăng 304% so với kỳ trước chủ yếu do không phát sinh khoản hoàn nhập dự phòng NPT khó đòi. Bên cạnh đó, theo nghị quyết HĐQT số 02/2024/NQ-HĐQT/LHC ngày 21 tháng 01 năm 2025, chi phí lương nhân viên được trích theo mức 3% doanh thu thuần, nên doanh thu kỳ này tăng thì chi phí lương được trích cũng tăng theo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán vật tư cho bên liên quan	-	647.535.836
Bán vật tư	467.043.074	70.559.200
Khoản tiền thưởng do bán cổ phiếu (*)	6.000.000.000	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	367.003.367	-
Xóa công nợ	44.046	130.900.927
Bán đất thải	-	104.160.000
<b>Cộng</b>	<b>6.834.090.487</b>	<b>953.155.963</b>

(\*) Công ty được nhận khoản tiền thưởng từ Công ty Cổ Phần Phúc Hợp Hà My do đã tìm kiếm được các đối tác để bán cổ phiếu và tổ chức khớp lệnh lô lớn thành công theo Phụ lục chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 ngày 05 tháng 03 năm 2025.

**4.24. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán vật tư	467.043.074	718.095.036
Giá vốn bán đất thải	-	91.199.040
Chi phí phạt thuế, vi phạm hành chính	3.833.397	2.798.444
Các khoản khác	9.567.417	9.631
<b>Cộng</b>	<b>480.443.888</b>	<b>812.102.151</b>

**4.25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.276.700.489	31.824.271.986
Chi phí nhân công	10.859.765.063	6.534.686.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.745.489.899	1.656.858.151
Chi phí dự phòng	-	(2.646.937.948)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.280.716.028	(589.830.285)
Chi phí khác bằng tiền	2.235.749.683	1.694.589.966
<b>Cộng</b>	<b>71.398.421.162</b>	<b>38.473.638.452</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	63.639.513.395	22.619.335.689
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	181.929.977	79.473.594
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(120.000.000)	-
Trừ: Lợi nhuận từ công ty con	(6.490.086.000)	(19.470.258.000)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.660.632.543)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	57.211.357.372	1.567.918.740
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	11.442.271.474	313.583.748
Cộng: Chi phí Thuế TNDN do điều chỉnh bổ sung năm trước	24.955.000	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.467.226.474</b>	<b>313.583.748</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

**4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(37.000.000.000)	-

**4.28. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40 (*)	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40.10	Công ty con trực tiếp
3. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
4. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
7. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
8. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
9. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

(\*) Công ty này đã không còn là bên liên quan kể từ ngày 07/03/2025. Do đó, thông tin về bên liên quan này trong báo cáo được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 07/03/2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40.10	2.650.000.000	
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40.10 (*)	30.000.000.000	-

(\*) Là khoản ứng trước theo theo Hợp đồng số 01/2025/HĐCP-LHC-40.10/G4SC ngày 10 tháng 01 năm 2025 để thực hiện thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Gói 4 - Nạo vét, gia cố tuyến Suối Cái nhánh chính đoạn từ K9+545 đến K10+409 và Hợp đồng số 02/2025/HĐCP-LHC-40.10/RD ngày 02 tháng 04 năm 2025 để thực hiện thi công xây dựng Gói thầu XL-4 - Xây dựng cống ngăn triều Rạch Dừa.

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(1.392.217.000)	(1.302.535.622)
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	(1.560.681.500)	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.11</b>	<b>(2.952.898.500)</b>	<b>(1.302.535.622)</b>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	2.884.427.000	5.893.434.930
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	1.560.681.500	517.058.000
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	-	1.166.400
<b>Cộng (*)</b>	<b>4.445.108.500</b>	<b>6.411.659.330</b>

(\*) Bao gồm:

Giá mua hàng trước thuế	4.102.021.052	5.922.544.379
Thuế mua hàng	343.087.448	489.114.951

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Lãi cho vay – Xem thêm Mục 4.20:</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	845.558.905	331.582.192
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Nhận cổ tức – Xem thêm Mục 4.20:</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	6.490.086.000	19.470.258.000
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Cho vay:</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	41.000.000.000	-
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Bán cổ phiếu:</b>		
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	180.540.000	-
Ông Nguyễn Văn Sơn – Phó Tổng Giám đốc	1.841.100.000	-
Ông Lê Huy Sáu – Trưởng Ban kiểm soát	223.380.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kế toán trưởng	166.260.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.411.280.000</b>	<b>-</b>
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Mua cổ phiếu:</b>		
Ông Nguyễn Văn Sơn – Phó Tổng Giám đốc	100.000.000	-

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40.10	2.650.000.000	-
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT	200.000.000	-
<b>Cộng (*)</b>	<b>9.850.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm:

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định trước thuế	9.117.003.366	-
Thuế thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	732.996.634	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nông Vương Hùng	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	30.000.000	10.000.000
Bà Lâm Bội Ngọc	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Phan Công Ngón	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	20.000.000	30.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	30.000.000
<b>Cộng</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	981.100.000	878.752.000
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc	488.154.250	428.672.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	340.910.500	280.408.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	480.436.750	305.158.000
<b>Cộng</b>		<b>2.290.601.500</b>	<b>1.892.990.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	1.072.000.000	1.072.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	1.285.600.000	432.600.000
Ông Nông Vương Hùng	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	2.000.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	127.500.000	127.500.000
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	91.600.000	91.600.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	6.600.000	37.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	35.504.000	21.004.000
<b>Cộng</b>		<b>2.622.804.000</b>	<b>1.783.704.000</b>

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	205.000.000	222.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	328.000.000	328.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	165.000.000	165.000.000
<b>Cộng</b>		<b>698.000.000</b>	<b>715.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



**Phê duyệt**

**Lê Văn Quý**  
**Tổng Giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2025

**Người lập**

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
**Kế toán trưởng**